

**QUY ĐỊNH**  
**Điểm xét tuyển hệ trung cấp năm 2026**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TCNDK ngày /01/2026  
của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Diên Khánh)

**A. Điểm xét tuyển:**

**I. Hệ đào tạo 2 năm:**

1. Đối tượng tuyển sinh : Người đã tốt nghiệp THCS hoặc tương đương.
2. Điểm xét tuyển: Căn cứ vào kết quả xếp loại tốt nghiệp THCS và điểm ưu tiên (nếu có).

- Điểm xếp loại tốt nghiệp được quy đổi như sau:

| Xếp loại tốt nghiệp | Giỏi | Khá | Trung bình |
|---------------------|------|-----|------------|
| Điểm quy đổi        | 10   | 9   | 8          |

- Trường hợp bằng tốt nghiệp THCS không ghi xếp loại tốt nghiệp thì căn cứ vào xếp loại học lực của năm học lớp 9 trên học bạ và được quy đổi như sau:

| Xếp loại học lực | Tốt/xuất sắc/Giỏi | Khá | Đạt/Trung bình | Chưa đạt/Yếu |
|------------------|-------------------|-----|----------------|--------------|
| Điểm (qui đổi)   | 10                | 9   | 8              | 5            |

- Điểm ưu tiên: Thực hiện như quy định tại Điều 4 và Điều 5 của Quy chế tuyển sinh.

- Điểm xét tuyển là tổng điểm của điểm quy đổi xếp loại tốt nghiệp và điểm Ưu tiên.

- Nếu xét đến chỉ tiêu cuối cùng mà có nhiều em có điểm bằng nhau thì ưu tiên em nào có điểm trung bình học tập của năm học lớp 9 trên học bạ cao hơn./.

**II. Hệ đào tạo 1 năm:**

1. Đối tượng tuyển sinh : Người đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
2. Điểm xét tuyển: Căn cứ vào kết quả xếp loại tốt nghiệp THPT hoặc kết quả xếp loại học lực của năm học lớp 12 và điểm Ưu tiên (nếu có).

- Điểm xếp loại tốt nghiệp được quy đổi như sau:

|                            |             |            |                   |
|----------------------------|-------------|------------|-------------------|
| <b>Xếp loại tốt nghiệp</b> | <b>Giỏi</b> | <b>Khá</b> | <b>Trung bình</b> |
| <b>Điểm (qui đổi)</b>      | 10          | 9          | 8                 |

- Trường hợp bằng tốt nghiệp THPT không ghi xếp loại tốt nghiệp thì căn cứ vào xếp loại học lực của năm học lớp 12 trên học bạ và được quy đổi như sau:

|                         |                          |            |                       |                     |
|-------------------------|--------------------------|------------|-----------------------|---------------------|
| <b>Xếp loại học lực</b> | <b>Tốt/xuất sắc/Giỏi</b> | <b>Khá</b> | <b>Đạt/Trung bình</b> | <b>Chưa đạt/Yếu</b> |
| <b>Điểm (qui đổi)</b>   | 10                       | 9          | 8                     | 5                   |

- Điểm Ưu tiên: Thực hiện như quy định tại Điều 4 và Điều 5 của Quy chế tuyển sinh.

- Điểm xét tuyển là tổng điểm của điểm quy đổi xếp loại tốt nghiệp hoặc xếp loại học lực và điểm ưu tiên.

### **B. Trúng tuyển:**

- Thí sinh được tuyển thẳng (nếu có).

- Số lượng chỉ tiêu còn lại sau khi trừ số thí sinh được tuyển thẳng (nếu có). Điểm trúng tuyển được tính theo từng ngành nghề và được lấy từ cao đến thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.

- Nếu xét đến chỉ tiêu cuối cùng mà có nhiều em có điểm bằng nhau thì ưu tiên em nào có điểm trung bình học tập của năm học lớp 12 trên học bạ cao hơn./.